TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 17-01-2025
V/v "T/c Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thoả thuận mua bảo hiểm tài sản thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Thành Đồng

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa**: bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2024/TLST–DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng thoả thuận mua bảo hiểm tài sản thế chấp*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2024/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số: 391/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số: 07/2025/QĐST - DS ngày 10 tháng 01 năm 2025, quyết định phân công lại Hội thẩm nhân dân số: 05/2025/QĐ - TA ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (ACB); địa chỉ: số 442, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, Tp. H. *Người đại diện theo pháp luật*: ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc. *Người đại diện theo uỷ quyền*: ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ; địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Toà nhà ACB số 444A-446 Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, Quận 3, Tp. H. *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lợi*: bà Nguyễn Ngọc Lê V, sinh năm 1997 – Nhân viên xử lý nợ; địa chỉ: số 21, Trương Định, phường 1, thành phố G, tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: 2. 1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987; địa chỉ: số 444, ấp M, xã P, G, tỉnh B (có mặt).

2. 2. Bà Nguyễn Thị Bạch T sinh năm 1987; địa chỉ: số 444, ấp M, xã P, G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A và người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Ngọc Lê V trình bày:

ACB cấp tín dụng cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch T căn cứ theo: Hợp đồng cấp tín dụng số MYT.CN.2644.140820 ngày 17/8/2020. Chi tiết như sau: số tiền cho vay: 300.000.000 đồng; mục đích cho vay: Mua xe ô tô mới – để sử dụng – thanh toán tiền mua xe ô tô con Hyundai Accent 1.4 AT (Tiêu chuẩn); phương thức cho vay: Cho vay từng lần; phương thức giải ngân: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Thời hạn cho vay: 72 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; thời hạn giải ngân: 72 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng; lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ACB đã giải ngân cho ông N và bà T bằng Khế ước nhận nợ như sau:

TT	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
1	Số 315917109	Ngày 17/8/2020	300.000.000 đồng	Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 14257677 của ông Nguyễn Văn N tại ACB	72 tháng, từ ngày 18/8/2020 đến ngày 17/8/2026	(1). Lãi suất trong hạn: 10,00%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. (2). Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 3,5 %/năm. (3). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (4). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 thuộc quyền sở hữu của bà T và ông N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019417, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh B cấp ngày 14/8/2020 theo Hợp đồng thế chấp số MYT.BĐCN.384.140820 được ký kết giữa ACB và ông N, bà T ngày 17/8/2020; đăng ký thế chấp tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố H ngày 17/8/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số

MYT.BĐCN.384.140820/SĐBS-01 được ký kết giữa ACB và ông N, bà T ngày 26/8/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông N và bà T nhiều lần vi phạm thời hạn trả nợ và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ACB từ tháng 6/2024. Căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 10/7/2024, ACB ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Khế ước nhận nợ nêu trên.

Đồng thời, giữa ACB với ông N và bà T (Bên bảo đảm đồng thời là Bên được cấp tín dụng) có ký kết Bản thỏa thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm ngày 17/8/2020. Trong đó có nội dung: "*ACB được quyền chủ động (nhưng không phải là nghĩa vụ) mà không cần phải thông báo cho Bên bảo đảm và/hoặc Bên được cấp tín dụng về việc ACB tái tục/mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm (theo hợp đồng thế chấp số MYT.BĐCN.384.140820) và thanh toán phí cho Công ty kinh doanh bảo hiểm*" (Điều 3). Và "*Bên bảo đảm và/hoặc Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ hoàn trả ngay khoản ứng trước này cho ACB và chịu khoản tiền phạt bằng (=) số tiền ứng trước nhân với (x) lãi suất phạt (%/năm) nhân với (x) số ngày tạm ứng chia cho (:) 365*" (Điều 4). Do đó, để thanh toán phí bảo hiểm cho xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 theo hợp đồng thế chấp nêu trên, ACB đã tạm ứng số tiền căn cứ theo các phiếu giải ngân chuyển khoản như sau:

Tài khoản ghi nợ	**Ngày giải ngân**	**Số tiền**
403102539	08/7/2023	1.440.000
422613699	06/01/2024	1.100.000
433003049	01/4/2024	1.100.000
443031929	26/6/2024	1.200.000
454351619	27/9/2024	1.000.000

Do đó, ACB yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc ông N và bà T trả ngay cho ACB tổng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 27/11/2024 là 120.030.504 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 108.318.000 đồng, lãi trong hạn 6.272.862 đồng, lãi quá hạn 5.128.427 đồng, phạt chậm trả lãi 311.215 đồng;

- Buộc ông N và bà T trả ngay cho ACB phí bảo hiểm 5.840.000 đồng, phạt chậm trả phí bảo hiểm 714.226 đồng. Tổng cộng là 6.554.226 đồng.

- Buộc ông N và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi, phạt chậm trả phí bảo hiểm phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ và Bản thỏa thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, kể từ ngày 28/11/2024 đến ngày trả hết nợ.

- Nếu ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sau đây được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 thuộc quyền sở hữu của bà T và ông N.

Theo bản tự khai ngày 27/11/2024 và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông thừa nhận có vay tiền và ký với ACB Hợp đồng cấp tín dụng số MYT.CN.2644.140820 ngày 17/8/2020 và các văn bản như ACB đã cung cấp cho Toà án. Ông thống nhất với trình bày của ngân hàng về số tiền vay, mức lãi suất, mục đích vay, phương thức trả mà hai bên đã thoả thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng trên.

Và để đảm bảo cho khoản vay trên, ông có thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 thuộc quyền sở hữu của ông và bà Nguyễn Thị Bạch T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019417, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh B cấp ngày 14/8/2020 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số MYT.BĐCN.384.140820 được ký kết giữa ông và bà T với ACB vào ngày 17/8/2020, có đăng ký thế chấp tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố H ngày 17/8/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số MYT.BĐCN.384.140820/SĐBS-01 được ký kết giữa ông và bà T với ACB vào 26/8/2020.

Sau khi vay, thời gian đầu, ông và bà T có thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Nhưng đến khoảng tháng 6/2024, do ông bị bệnh không thể lao động được, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không thanh toán nợ đúng hạn. Ông đã được Ngân hàng thông báo khoản nợ của ông quá hạn, nhưng do kinh tế khó khăn nên ông vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Đối với việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, ông thừa nhận có ký với Ngân hàng Văn bản thoả thuận mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, sau đó, ông có thoả thuận miệng với Ngân hàng (thông qua người đại diện là Giám đốc Phòng giao dịch) là chỉ mua 01 năm đầu, ông cũng không có ký văn bản thoả thuận việc gia hạn. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông và bà T không đồng ý trả số tiền mua bảo hiểm xe.

Đối với hợp đồng tín dụng, ông và bà T xin không trả lãi, chỉ đồng ý trả tiền vốn còn nợ là 108.318.000 đồng bằng hình thức trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Theo bản tự khai ngày 27/11/2024 và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Bà thống nhất với trình bày và ý kiến của ông N, không đồng ý trả số tiền mua bảo hiểm xe, xin không trả lãi tiền vay, đồng ý trả tiền vốn vay còn nợ là 108.318.000 đồng bằng hình thức trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Lê V trình bày: tính đến ngày 17/01/2025 ông N và bà T còn nợ ACB tổng số tiền là 130.095.812 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 108.318.000 đồng, lãi trong hạn 6.272.862 đồng, lãi quá hạn 7.220.825 đồng, phạt chậm trả lãi 594.198 đồng, phí bảo hiểm 6.840.000 đồng, phạt chậm trả phí bảo hiểm 849.927. Do đó, yêu cầu ông N và bà T phải trả ngay cho ACB số tiền trên. Đồng thời, ông N và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi, phạt chậm trả phí bảo hiểm phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ và Bản thỏa thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, kể từ ngày 18/01/2025 đến ngày trả hết nợ. Nếu ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sau đây được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 thuộc quyền sở hữu của bà T và ông N.

Ông Nguyễn Văn N giữ nguyên trình bày; đối với yêu cầu của ACB, ông không đồng ý trả các khoản tiền mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và khoản tiền lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng, ông chỉ đồng ý trả tiền vốn vay 108.318.000 đồng, tiền lãi quá hạn 7.220.825 đồng và tiền phạt chậm trả lãi 594.198 đồng bằng hình thức trả dần đến khi hết nợ.

Bà Nguyễn Thị Bạch T vắng mặt có đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T vắng nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Xét đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 17/01/2025 mặc dù không được công chứng, chứng thực chữ ký là của bà T nhưng xét thấy đương sự trên cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch T trả ngay cho ACB tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/01/2025 là 130.095.812 đồng (trong đó gồm: vốn gốc 108.318.000 đồng, lãi trong hạn 6.272.862 đồng, lãi quá hạn 7.220.825 đồng, phạt chậm trả lãi 594.198 đồng; phí bảo hiểm 6.840.000 đồng và phạt chậm trả phí bảo hiểm 849.927 đồng); ông N và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi, phạt chậm trả phí bảo hiểm phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ và Bản thỏa thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, kể từ ngày 18/01/2025 đến ngày trả hết nợ; nếu ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sau đây được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 thuộc quyền sở hữu của bà T và ông N. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với hợp đồng cấp tín dụng:

[1.1] Theo nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch T có ký kết với ACB Hợp đồng cấp tín dụng số MYT.CN.2644.140820 ngày 17/8/2020: số tiền cho vay: 300.000.000 đồng; mục đích cho vay: mua xe ô tô mới – để sử dụng – thanh toán tiền mua xe ô tô con Hyundai Accent 1.4 AT (Tiêu chuẩn); phương thức cho vay: cho vay từng lần; phương thức giải ngân: được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; thời hạn cho vay: 72 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; thời hạn giải ngân: 72 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng; lãi suất trong hạn: được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông N và bà T đã được giải ngân tiền vay. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, từ tháng 8/2023 ông N, bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn và ngừng trả nợ từ tháng 6/2024 nên hai bên phát sinh tranh chấp. Tính đến ngày 17/01/2025, ông N, bà T còn nợ lại vốn gốc 108.318.000 đồng, lãi trong hạn 6.272.862 đồng, lãi quá hạn 7.220.825 đồng, phạt chậm trả lãi 594.198 đồng; tổng cộng là 122.405.885 đồng. Chứng cứ ACB cung cấp là Hợp đồng cấp tín dụng số MYT.CN.2644.140820 và Khế ước nhận nợ cùng ký ngày 17/8/2020.

[1.2] Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bạch T thống nhất với trình bày của ACB; thừa nhận có ký với ACB Hợp đồng cấp tín dụng số MYT.CN.2644.140820 và Khế ước nhận nợ cùng ngày 17/8/2020; thừa nhận đã ngừng trả nợ vay từ tháng 6/2024 và còn nợ tiền vốn 108.318.000 đồng. Ông N, bà T cho rằng do ông N bị bệnh, kinh tế hiện tại gặp khó khăn nên mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ACB. Tại phiên toà, ông N thừa nhận ông và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ liên tục, đúng thời hạn; thừa nhận đã ngừng trả nợ vay từ tháng 6/2024 và sau khi nhận được Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay cũng đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán với ACB như trình bày của nguyên đơn.

[1.3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng số MYT.CN.2644.140820 ngày 17/8/2020, thì lãi suất trong hạn được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm. Theo Khế ước nhận nợ ngày 17/8/2020 thì lãi suất trong hạn là 10,00%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng; lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 3,5 %/năm. Bị đơn ông N, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thoả thuận với ACB từ tháng 8/2023. Vì vậy, trình bày, yêu cầu của ACB đối với tiền vốn 108.318.000 đồng, lãi trong hạn 6.272.862 đồng, lãi quá hạn 7.220.825 đồng, phạt chậm trả lãi 594.198 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với hợp đồng về việc thoả thuận mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm:

[2.1] Theo ACB, việc Ngân hàng mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm tính đến ngày 17/01/2025 với tổng số tiền 6.840.000 đồng là trên cơ sở thoả thuận giữa hai bên; chứng cứ chứng minh là Bản thoả thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm ký ngày 17/8/2020, hợp đồng bảo hiểm xe ô tô.

[2.2] Quá trình tố tụng, ông N, bà T cũng thừa nhận có ký Bản thoả thuận trên. Nhưng cho rằng sau đó khi ACB yêu cầu tiếp tục mua bảo hiểm theo thoả thuận thì ông N đã có thông báo bằng lời nói về việc ngừng mua bảo hiểm nên việc ACB tiếp tục gia hạn mua bảo hiểm là không hợp lý.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy Bản thoả thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm được hai bên ký ngày 17/8/2020 là trên cơ sở tự nguyện. Tại Điều 3 Bản thoả thuận quy định: "*ACB được quyền chủ động (nhưng không phải là nghĩa vụ) mà không cần phải thông báo cho Bên bảo đảm và/hoặc Bên được cấp tín dụng về việc ACB tái tục/mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm (theo hợp đồng thế chấp số MYT.BĐCN.384.140820) và thanh toán phí cho Công ty kinh doanh bảo hiểm*". Và tại Điều 4 Bản thoả thuận quy định: "*Bên bảo đảm và/hoặc Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ hoàn trả ngay khoản ứng trước này cho ACB và chịu khoản tiền phạt bằng (=) số tiền ứng trước nhân với (x) lãi suất phạt (%/năm) nhân với (x) số ngày tạm ứng chia cho (:) 365*". Vì vậy, việc bị đơn ông N, bà T cho rằng hai bên đã thoả thuận ngừng mua bảo hiểm nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, ACB cũng không thừa nhận nên trình bày của bị đơn không có cơ sở. Căn cứ vào các phiếu giải ngân chuyển khoản vào các ngày 08/7/2023, 06/01/2024, 01/4/2024, 26/6/2024, 27/9/2024 và 28/12/2024 thì ACB đã tạm ứng tiền phí bảo hiểm số tiền là 6.840.000 đồng. Do vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông N, bà T trả lại tiền phí bảo hiểm 6.840.000 đồng và phạt chậm trả phí bảo hiểm 849.927 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của ACB về việc phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 trong trường hợp ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy. Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn thừa nhận có ký với ACB Hợp đồng thế chấp số MYT.BĐCN.384.140820 ngày 17/8/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số MYT.BĐCN.384.140820/SĐBS-01 ngày 26/8/2020 để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn đối với ACB phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019417, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh B cấp ngày 14/8/2020, thì tài sản thế chấp trên thuộc quyền sở hữu của bà T và ông N, nguồn tiền mua từ khoản vay 300.000.000 đồng. Xét về hình thức, Hợp đồng thế chấp số MYT.BĐCN.384.140820 được ký kết giữa hai bên vào ngày 17/8/2020 được lập thành văn bản, có thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật. Xét về nội dung, bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản, việc thế chấp trên cơ sở tự nguyện nên hợp đồng trên là hợp pháp. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ACB về việc yêu cầu ông N và bà T trả ngay cho ACB tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/01/2025 là 130.095.812 đồng (trong đó gồm: vốn gốc 108.318.000 đồng, lãi trong hạn 6.272.862 đồng, lãi quá hạn 7.220.825 đồng, phạt chậm trả lãi 594.198 đồng; phí bảo hiểm 6.840.000 đồng và phạt chậm trả phí bảo hiểm 849.927 đồng); ông N và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi, phạt chậm trả phí bảo hiểm phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ và Bản thỏa thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo

đảm, kể từ ngày 18/01/2025 đến ngày trả hết nợ; nếu ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét việc ông N, bà T yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ không được ACB đồng ý và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (130.095.812 đồng x 5%): do yêu cầu khởi kiện của ACB được chấp nhận nên ông N, bà T phải liên đới nộp số tiền 6.504.790 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh Tiền Giang đại diện nhận) số tiền 130.095.812đ (một trăm ba mươi triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm mười hai đồng). Gồm:

- Vốn gốc: 108.318.000đ (một trăm lẻ tám triệu ba trăm mười tám nghìn đồng);

- Lãi trong hạn: 6.272.862đ (sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng);

- Lãi quá hạn: 7.220.825đ (bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng);

- Phạt chậm trả lãi: 594.198đ (năm trăm chín mươi bốn nghìn một trăm chín mươi tám đồng);

- Phí bảo hiểm: 6.840.000đ (sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng),

- Phạt chậm trả phí bảo hiểm: 849.927đ (tám trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng).

Ông N và bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi, phạt chậm trả phí bảo hiểm phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ và Bản thỏa thuận về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, kể từ ngày 18/01/2025 đến ngày trả hết nợ.

Nếu ông N, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu HYUNDAI, số khung 41BBLN039489, số máy G4LCLF704956, biển số 71A-093.96 thuộc quyền sở hữu của ông N và bà T để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bạch T có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền là 6.504.790đ (sáu triệu năm trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm chín mươi đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Chi nhánh Tiền Giang đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.051.000đ (ba triệu không trăm năm mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004344 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
	Đặng Thị Ngọc Duyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm Ny vào lúc ……..giờ ……phút, ngày ……

Taïi: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán

* Bên nhận: ……- ……Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Tiến hành giao nhận: Bản án số 12/2025/DS-ST ngày 17/01/2025 của TAND huyện G (Ngân hàng TMCP A – Nguyễn Văn N).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi ……. giờ……phút cùng ngày

Người giao Người nhận

Đặng Thị Ngọc Duyên ,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,